

Bản án số: 510/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại
 Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa:

***Nguyên đơn: Chị Nguyễn S, sinh năm 1998;** HKTT và nơi cư trú: Khố xx, xã F, huyện Sóc D, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do “Có mặt”.

***Bị đơn: Anh Lê Hồng D, sinh năm 1991;** HKTT và nơi cư trú: Thôn 4, xã R, huyện K, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Nhân viên Xí nghiệp b Hà Nội, Tổng công ty C Hà Nội. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2022, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn S trình bày: Tôi và anh Lê Hồng D có tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 02 năm rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện K, TP Hà Nội ngày 03/4/2019. Sau khi kết hôn tôi và anh D chuyển về sinh sống tại Thôn 4, xã R, huyện K, TP Hà Nội. Trong thời gian sống chung thì vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần vì vậy thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 6/2019 thì vợ chồng tôi chuyển lên sinh sống cùng gia đình tôi tại khố xx, xã F, Sóc D, TP Hà Nội. Trong thời gian sinh sống tại đây thì anh D vẫn chứng nào tật đấy ham chơi lô đề cờ bạc dẫn đến nợ tôi đã khuyên giải anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi nên mâu

thuần vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Đến tháng 7/2021 thì vợ chồng tôi sống ly thân, anh D chuyển về sinh sống tại xã R cùng gia đình anh D. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi hai bên gia đình đều biết cũng đã khuyên giải nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi vẫn không được cải thiện. Trong thời gian ly thân tôi và anh D cũng không tìm biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Lê Hồng D.

Về con chung: Tôi và anh D không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn anh Đinh Quang Chung trình bày: Tôi và chị Nguyễn S có tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 02 năm rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện K, TP Hà Nội ngày 03/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống cùng với gia đình tôi khoảng 3 tháng sau đó vợ chồng tôi chuyển lên gia đình vợ tôi tại Khố xx, xã F, huyện Sóc D, TP Hà Nội để sinh sống. Trong thời gian sống chung vợ chồng tôi cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tôi có ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ một khoản tiền. Sau đó vợ chồng tôi có xích mích và xảy ra cãi nhau. Đến tháng 7/2021 tôi chuyển về sinh sống cùng gia đình tôi tại xã R, K, Hà Nội vợ chồng tôi ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân tôi cũng không tìm biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn với chị S. Nay được biết chị S làm đơn xin ly hôn tôi tại Tòa án nhân dân huyện K. Nay chị S làm đơn xin ly hôn tôi tại Tòa án nhân dân huyện K tôi xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung vợ chồng: Tôi và chị S không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Chị S và anh D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do chị S và anh D trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vì vậy đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay là vi phạm Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, cho chị Nguyễn S được ly hôn anh Lê Hồng D; Về con chung: Chị S và anh D không có con chung nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Nguyễn có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền theo cấp Tòa án, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn cư trú tại Thôn 4, xã R, huyện K, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về tình cảm: Chị Nguyễn S và anh Lê Hồng D có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2019 tại UBND xã R, huyện K, TP Hà Nội đã xuất trình bản chính giấy chứng nhận kết hôn, đủ cơ sở kết luận đây là hôn nhân hợp pháp.

-Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa chị S và anh D cùng nhất trí nội dung trong cuộc sống vợ chồng. xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh D ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau; Cùng thống nhất đã ly thân nhau từ tháng 7/2021 đến nay, anh D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Lời khai của chị S và anh D phù hợp với tài liệu chứng cứ chính quyền địa phương xác nhận, phù hợp với lời khai của mẹ anh D là bà Nguyễn Thị Thường cung cấp hiện chị S và anh D không còn sống chung với nhau. Nên đủ căn cứ kết luận chị S với anh D không còn chung sống như vợ chồng với nhau từ tháng 7/2021 đến nay, chị S và anh D đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình, làm cho cuộc sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, xét cho chị S được ly hôn với anh D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị Nguyễn S và anh Lê Hồng D không có con chung, Tòa án không xem xét giải quyết

[4]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn S và anh Lê Hồng D không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn S được chấp nhận, chị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, các Điều 269, 271, 272, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn S đối với anh Lê Hồng D.
Xử cho chị Nguyễn S được ly hôn với anh Lê Hồng D

2. Về con chung: Chị Nguyễn S và anh Lê Hồng D không có con chung, Tòa án không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073579 ngày 24/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn S, anh Lê Hồng D có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã R, huyện K, TP Hà Nội (ĐKKH: Số 09 ngày 03/4/2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thiên Hương